

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HSST.

Ngày 28-11-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

2. Ông Phan Văn Truyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm: 1980; Nơi sinh: Cai Lậy, Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn T, sinh năm: 1953 (đã chết) và bà Ngô Thị Th, sinh năm: 1954; Vợ tên Hồ Thị Ú; con có hai người lớn sinh năm 1997 nhỏ sinh năm 1999; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Chấp hành xong ngày 11/5/2017 chưa hết thời hạn được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1986 (tên gọi khác: V); Nơi sinh: M, Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự chấp hành án phạt tù xong ngày 11/11/2014 chưa hết thời hạn được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trần Minh H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Sáng, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản cáo trạng 21/QĐ/KSĐT ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An để xét xử bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn N (V) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N bị Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố như sau:

Sáng ngày 25/10/2017 Lê Văn H, sinh năm: 1980, ngụ khu phố 5, phường 1, thị xã K và Nguyễn Văn N (V), sinh năm: 1986, ngụ khu phố 1, phường 1, thị xã K nhậu cùng với Bùi Văn L (T), sinh năm: 1983 tại chòi tạm cặp vỉa hè đường T thuộc khu phố 3, phường 1, thị xã K (khu trại rắn cũ phía sau N), sau đó L say trước nên ngủ. Một lúc sau có anh Trần Minh H1, sinh năm: 1972 ngụ khu phố 5, phường 2, thị xã K chạy xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 đến đậu vỉa hè gần chòi chỗ H và N nhậu rồi đi phơi đồ phế liệu tại bãi đất trống cách đó khoảng 10 mét. Khoảng 10 giờ cùng ngày sau khi nhậu xong H và N ra thấy xe mô tô có sẵn chìa khóa H lấy điều khiển chờ N vừa nổ máy chạy đi thì anh H1 phát hiện truy hô, H có nghe nhìn lại rồi chạy luôn đến cầu Cửa Đông dừng xe lại, H rủ N đem xe đi cầm lấy tiền nhậu, N đồng ý điều khiển xe chở H sang Campuchia chỉ chỗ cho H cầm giá 2.000.000 đồng, sau khi trừ lãi lấy được 1.900.000 đồng, H chia N 500.000 đồng N không lấy, cả hai đón xe đồ đến quán Sao Ly thuộc khu phố 6, phường 2, thị xã K nhậu hết. Sau khi anh Hùng phát hiện xe bị H và N lấy thì đến Công an phường 1 trình báo và ngày 26/10/2017 sang Campuchia chuộc xe về giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389. Ngày 27/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã K thị xã K ra lệnh bắt khẩn cấp đối với H và N, cả hai đều khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 của ông Trần Minh Hùng.

Theo bản kết luận định giá số: 22/KL-ĐGTS ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng thị xã K xác định xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 có giá trị 2.500.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 24 đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả cho bị hại Trần Minh H1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 và biên bản trả tài sản ngày 09/11/2017 nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông H1 đã thương lượng với cha ruột bị cáo Nguyễn Văn N là ông Nguyễn Văn S đã thỏa thuận trả lại tiền chuộc xe cho ông H1 1.200.000 đồng xong. Đối với ông H1 bị mất giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, bảo hiểm xe để trong cốp xe nhưng không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, thì hành vi của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N có thể phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng các bị cáo không nghề nghiệp nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Lê Văn H năm 2015 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong ngày 11/5/2017, chưa hết thời hạn được xóa án tích. Bị cáo Nguyễn Văn N năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, năm 2013 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự chấp hành án phạt tù xong ngày 11/11/2014, chưa hết thời hạn được xóa án tích. Với các bản án trên, lẽ ra sau khi mãn hạn tù, các bị cáo phải biết tự rèn luyện mình hoàn lương trở lại sống lương thiện hòa nhập với cộng đồng. Đằng này, các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N lợi dụng sự mất cảnh giác của ông Trần Minh H1 đã rắp tâm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trót lọt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân.

[3] Trị giá tài sản mà bị cáo H chiếm đoạt là 2.500.000 đồng, nhưng bị cáo Lê Văn H có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N tại bản án số 19/2013/HSST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã K xác định bị cáo N có tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

[4] Trong vụ án tuy hai bị cáo H và N cùng tham gia thực hiện hành vi tội phạm, nhưng không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên không xem xét tính tổ chức mà chỉ xem xét bị cáo N đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138; Bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N ra Tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Hùng, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Lê Văn H có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt sau này; Đồng thời trấn áp tình hình tội phạm trộm cắp đang tăng trên địa bàn thị xã và phục vụ tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62F4-9389 hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả cho bị hại Trần Minh H1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 và biên bản trả tài sản ngày 09/11/2017. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Trần Minh H1 đã nhận lại xe còn các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, bảo hiểm xe để trong cốp xe đã bị mất nhưng không yêu cầu gì các bị cáo khắc phục hậu quả nên không xem xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự thì hành vi của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N có thể phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không nghề ngH nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[10] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N (Vàng Em) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù.

Thời gian thi hành án phạt tù của các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N tính từ ngày 27/10/2017.

Áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 28/11/2017 để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn Sáng được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, Bị hại, người liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trình Văn Út**

